

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ**  
 Quý II/ 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 11/07/2013

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
<b>A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện</b>						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	1,637,155,761	(1,934,659,741)	60,616,761	1,249,730,350
1	Cổ tức được nhận	11	2,310,976,730	2,863,823,830	2,055,159,990	3,597,969,090
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	61,708,979	61,708,979	47,907,202	118,069,751
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	(735,529,948)	(4,860,192,550)	(2,042,450,431)	(2,466,308,491)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	1,138,070,800	2,254,088,346	988,138,115	1,926,667,059
1	Phí Quản lý Quỹ	31	926,186,448	1,794,681,754	751,997,664	1,450,808,374
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	65,212,618	130,793,378	66,952,392	133,558,789
3	Chi phí hợp, đại hội	33	28,317,198	56,323,210	27,706,099	55,412,208
4	Chi phí Kiểm toán	34	46,900,686	94,954,108	82,190,775	141,945,550
5	Chi phí tư vấn, định giá	35	-	-	-	-
6	Phí và chi phí khác	38	71,473,850	177,335,896	59,291,185	144,942,138
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	499,084,961	(4,188,748,087)	(927,521,354)	(676,936,709)
<b>B. xác định kết quả chưa thực hiện</b>						
I	Thu nhập	60	18,755,090,765	54,889,036,659	1,026,137,032	28,896,585,246
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	18,755,090,765	54,889,036,659	1,026,137,032	28,896,585,246
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	16,378,982,320	16,545,894,101	-	-
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	16,378,982,320	16,545,894,101	-	-
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	2,376,108,445	38,343,142,558	1,026,137,032	28,896,585,246



**Lê Thị Thành Tâm**  
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu

*[Signature]*  
 Kiều Thị Minh Hằng

Công ty quản lý quỹ  
 KT. Kế toán trưởng  
 Trưởng phòng Nghiệp vụ  
 Quản lý Quỹ

*[Signature]*  
 Ngô Thị Bạch Minh Luân  
 Nguyễn Vũ Ngọc Trinh



## BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Quý II/ 2013

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
4. Ngày lập báo cáo: 11/07/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (Quý II/2013)	Kỳ trước (Quý I/2013)
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	179,370,506,202	148,091,305,137
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	2,875,193,406	31,279,201,065
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	2,875,193,406	31,279,201,065
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	182,245,699,608	179,370,506,202
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	8,512	8,378

  
Ngân hàng giám sát  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
HSBC  
(VIỆT NAM)  
  
**Lê Thị Thành Tâm**  
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ   
  
**Nguyễn Vũ Ngọc Trinh**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Quý II/ 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 11/07/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo (Quý II/ 2013)	Kỳ báo cáo (Quý I/ 2013)	Lũy kế từ đầu năm
<b>I</b>	<b>Thu nhập từ hoạt động Đầu tư</b>	<b>2,372,685,709</b>	<b>552,847,100</b>	<b>2,925,532,809</b>
1	Cổ tức được nhận	2,310,976,730	552,847,100	2,863,823,830
2	Lãi trái phiếu được nhận	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	61,708,979	-	61,708,979
4	Các khoản thu nhập khác	-	-	-
<b>II</b>	<b>Chi phí</b>	<b>1,138,070,800</b>	<b>1,116,017,546</b>	<b>2,254,088,346</b>
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	926,166,448	868,515,306	1,794,681,754
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	65,212,618	65,580,760	130,793,378
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)	58,987,500	58,987,500	117,975,000
	<i>Chi phí dịch vụ nhà đầu tư</i>	<i>58,987,500</i>	<i>58,987,500</i>	<i>117,975,000</i>
4	Chi phí Kiểm toán	46,900,686	48,053,422	94,954,108
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ	12,000,000	46,140,953	58,140,953
	<i>Chi phí tư vấn, định giá</i>	-	-	-
	<i>Chi phí niêm yết</i>	-	22,140,953	22,140,953
	<i>Thù lao Ban Đại Diện Quỹ</i>	<i>12,000,000</i>	<i>24,000,000</i>	<i>36,000,000</i>
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	28,317,198	28,006,012	56,323,210
	<i>Chi phí họp, đại hội</i>	<i>28,317,198</i>	<i>28,006,012</i>	<i>56,323,210</i>
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ	-	-	-
8	Các loại phí khác	486,350	733,593	1,219,943
	<i>Phí ngân hàng</i>	<i>486,350</i>	<i>733,593</i>	<i>1,219,943</i>
	<i>Chi phí khác</i>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)</b>	<b>1,234,614,909</b>	<b>(563,170,446)</b>	<b>671,444,463</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư</b>	<b>1,640,578,497</b>	<b>31,842,371,511</b>	<b>33,482,950,008</b>

1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(735,529,948)	(4,124,662,602)	(4,860,192,550)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	2,376,108,445	35,967,034,113	38,343,142,558
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	2,875,193,406	31,279,201,065	34,154,394,471
VI	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	179,370,506,202	148,091,305,137	148,091,305,137
VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	2,875,193,406	31,279,201,065	34,154,394,471
	<b>Trong đó</b>			
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	2,875,193,406	31,279,201,065	34,154,394,471
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-	-
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	182,245,699,608	179,370,506,202	182,245,699,608
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			



**Lê Thị Thành Tâm**  
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh





Phụ lục 17 . Mẫu báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của quỹ  
 (Ban hành kèm theo thông tư số 224/2012/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài  
 chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

**BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFFP1
- Ngày lập báo cáo: 11/07/2013

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo (30/06/2013)	Kỳ báo cáo 31/03/2013	%/ kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7,094,776,782	5,279,034,090	134.40%
	Tiền	7,094,776,782	5,279,034,090	134.40%
	Tiền gửi ngân hàng	-	-	-
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	171,145,482,500	174,641,348,700	98.00%
	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
	Trái phiếu Công ty	-	-	-
	Cổ phiếu	171,145,482,500	174,641,348,700	98.00%
	Cổ phiếu niêm yết	171,145,482,500	174,641,348,700	98.00%
	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
	Quyền mua	-	-	-
I. 3	Cổ tức, trái tức được nhận	102,550,500	128,629,700	79.73%
	Cổ tức được nhận	102,550,500	128,629,700	79.73%
	Trái tức được nhận	-	-	-
I. 4	Lãi được nhận	-	-	-
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	4,392,593,212	-	-
	Phải thu bán cổ phiếu niêm yết	4,392,593,212	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>182,735,402,994</b>	<b>180,049,012,490</b>	<b>101.49%</b>
STT	Nợ	Kỳ báo cáo (30/06/2013)	Kỳ báo cáo 31/03/2013	%/ kỳ trước
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
	Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	-	-	-
II. 2	Các khoản phải trả khác	489,703,386	678,506,288	72.17%
	Phí quản lý phải trả	304,283,305	299,483,316	101.60%
	Phí giám sát và phí lưu ký phải trả	20,000,000	20,000,000	100.00%
	Chi phí hợp phải trả	75,415,973	132,769,550	56.80%
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư phải trả	-	-	-
	Chi phí kiểm toán phải trả	90,004,108	226,253,422	39.78%
	Chi phí báo giá OTC phải trả	-	-	-
II. 3	<b>TỔNG NỢ</b>	<b>489,703,386</b>	<b>678,506,288</b>	<b>72.17%</b>
	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 3)	182,245,699,608	179,370,506,202	101.60%
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21,409,530	21,409,530	100.00%
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	8,512	8,378	101.60%

Ghi chú: Trong kỳ, Quỹ không có số dư về các khoản vay tiền, hợp đồng Repo, các khoản cho vay chứng khoán và hợp đồng Reverse Repo



**Lê Thị Thành Tâm**  
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ  
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh